

Bản án số: 44/2019/HS-ST
Ngày 11- 9- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Sơn

Bà Kiều Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mơ, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

TẠ VĂN D, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1975 tại xã V, huyện P, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: Cụm 6, xã V, huyện P, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tạ Văn D1 (đã chết) và bà Đào Thị T (đã chết); Có vợ là Trần Thị E và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: Không, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2008, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản;

Tháng 02/2011, bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01, xã Yên Bài, huyện Ba Vì, TP Hà Nội, (có mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: - Anh Đoàn Văn N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Cụm 8a, xã V, huyện P, TP Hà Nội

- **Anh Lê Minh T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Cụm 11, xã V, huyện P, TP Hà Nội

- **Anh Hà Thế L**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, thị xã S, TP Hà Nội

- **Ông Lê Việt C**, sinh năm 1947

Địa chỉ: Cụm 11, xã V, huyện P, TP Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Anh Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Cụm 5, xã V, huyện P, TP Hà Nội;

- **Anh Nguyễn Văn B**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Cụm 5, xã V, huyện P, TP Hà Nội.

Bị cáo có mặt, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00' ngày 29/4/2019, Tạ Văn D đi bộ lang thang quanh khu vực xã V xem gia đình nào có sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Khi D đi đến khu vực công trình xây dựng bể bơi của ông Bùi Văn H (sinh năm 1969, trú ở Cụm 11, xã V, huyện P, Hà Nội) quan sát thấy không có người trông coi, quản lý tài sản. D trèo qua tường bao phía sau sát khu bể bơi vào bên trong công trình xây dựng, đến khu nhà 2 tầng sát cổng chính, phát hiện dưới gầm cầu thang tầng 1 có 01 máy khoan đục bê tông cầm tay màu đỏ, nhãn hiệu PEG-EG550 và 10 mét dây điện kèm theo phích cắm, ổ cắm. D đến cầm 01 máy khoan đục bê tông cùng dây điện phích cắm, ổ cắm, rồi đi tiếp vào khu nhà chò (sát bên phải nhà 2 tầng), trộm cắp 02 chiếc máy hàn điện tử (01 chiếc máy hàn điện tử nhãn hiệu WELDCOM-MAXI 200 màu đỏ; 01 chiếc máy hàn điện tử nhãn hiệu Hồng Ký HK200N màu cam) để ở góc nhà bên phải.

Sau khi trộm cắp được tài sản, D mang về giấu trong ngôi nhà bỏ hoang phía trước nhà D. Khoảng 7-8 ngày sau, khoảng 6 giờ sáng, D mang số tài sản trên đến bán cho Nguyễn Ngọc H – SN 1977, trú ở Cụm 5, xã V, huyện P, được 1.800.000đ. D đã sử dụng tiêu sài hết số tiền này.

Chiếc máy khoan đục bê tông cầm tay màu đỏ và 10 mét dây điện kèm theo phích cắm, ổ cắm được xác định là tài sản của anh Đoàn Văn N – SN 1982, trú ở Cụm 8^a, xã V, huyện P; 02 chiếc máy hàn điện tử là tài sản của anh Lê Minh T – SN 1982, trú ở Cụm 11, xã V, huyện P.

Ngày 29/4/2019, phát hiện bị mất tài sản, anh N và anh T đã làm đơn trình báo Công an xã V, đồng thời anh T cũng đi dò tìm tài sản của mình.

Ngày 8/5/2019, anh Lê Minh T kể lại sự việc trên cho Nguyễn Văn B – SN 1973, trú ở Cụm 5, xã V, huyện P, thì B có nói: trước đó vài ngày B có gặp và bảo D trả nợ tiền vay của B, thì D có nói là: “Đề em bán máy hàn xong em trả”. B nghi ngờ D trộm cắp tài sản của anh T nên đã nói với anh T về việc D nói chuyện. Anh T nhờ B và Khuất Văn H1 – SN 1981, trú tại Cụm 5, xã V, huyện P đi tìm D để bảo D trả lại tài sản nhưng không gặp được D thì được biết là D đã bán tài sản cho Nguyễn Ngọc H. Anh T nhờ H1 đi gặp H để chuộc lại tài sản. H yêu cầu phải có 2.000.000đ thì mới cho chuộc lại tài sản. Sáng ngày 9/5/2019, H1 đã đến nhà H chuộc lại 02 chiếc máy hàn với giá 2.000.000đ. Sau khi chuộc lại tài sản, anh T đã trình báo với Công an xã V sự việc anh T đi chuộc lại số tài sản bị mất trước đó tại nhà Nguyễn Ngọc H, đồng thời giao nộp 02 chiếc máy hàn. Ngay sau khi anh T trình báo sự việc, Công an xã V đã triệu tập Nguyễn Ngọc H đến làm việc, H đã khai nhận đã mua 01 chiếc máy khoan và 02 chiếc máy hàn của Tạ Văn D và tự nguyện giao nộp cho Công an xã V 01 chiếc máy khoan đục bê tông nhãn hiệu PEG-EG550 và số tiền 2.000.000đ.

Ngày 12/5/2019, Tạ Văn D đã đến Công an huyện P đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên.

Ngày 16/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phúc Thọ kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, 01 chiếc máy hàn điện tử nhãn hiệu WELDCOM-MAXI 200 màu đỏ, trị giá 2.000.000đ; 01 chiếc máy hàn điện tử nhãn hiệu Hồng Ký HK200N màu cam, trị giá 1.700.000đ; 01 chiếc máy khoan bê tông cầm tay nhãn hiệu PEG-EG550, 10 mét dây điện, 01 phích cắm, 01 ổ cắm đôi, trị giá 500.000đ.

Ngày 10/6/2019, Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh Đoàn Văn N 01 máy khoan đục bê tông cầm tay màu đỏ, nhãn hiệu PEG-EG550 và 10 mét dây điện kèm theo phích cắm, ổ cắm, trả cho anh Lê Minh T 02 chiếc máy hàn điện tử (01 chiếc máy hàn điện tử nhãn hiệu WELDCOM-MAXI 200 màu đỏ; 01 chiếc máy hàn điện tử nhãn hiệu Hồng Ký HK200N màu cam). Sau khi nhận lại tài sản, anh N không có yêu cầu gì, anh T yêu cầu bồi thường 2.000.000đ tiền chuộc 02 máy hàn.

Quá trình điều tra, Tạ Văn D còn khai nhận thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã V, cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 2 giờ ngày 4/5/2019, Tạ Văn D ngủ dậy sau đó đi bộ lang thang quanh khu vực xã V tìm tài sản để trộm cắp. Khi D đi đến khu vực công trình xây dựng Bệnh viện tâm thần Mai Hương (Cụm 11, xã V, huyện P, Hà Nội)

quan sát thấy không có người trông coi, quản lý tài sản. D đi bộ theo lối cổng chính vào hành lang dãy nhà 2 tầng trước sân bệnh viện. D trèo qua ô thoáng phía trên cửa ra vào phòng đầu tiên hành lang bên phải vào bên trong trộm cắp 01 chiếc máy khoan đục bê tông cầm tay màu đỏ xám và 02 cuộn dây điện chưa sử dụng (mỗi cuộn 100m) màu vàng, loại dây (2x4)mm nhãn hiệu VINAKIP ở trên nền nhà rồi ra ngoài theo lối cũ. Sau khi trộm cắp được tài sản, D mang đến bán cho Nguyễn Văn B – SN 1973, trú ở Cụm 5, xã V, huyện P, được 1.900.000đ. D đã sử dụng ăn tiêu hết số tiền này.

Tài sản trên là của anh Hà Thế L – SN 1982, trú ở thôn T, xã Th, thị xã S đang sửa chữa công trình.

Cơ quan điều tra triệu tập Nguyễn Văn B lên làm việc thì B khai nhận chỉ mua của D 01 chiếc máy khoan đục bê tông và D đưa cho 02 đoạn dây điện (một đoạn dài 20m, 01 đoạn dài 14m), sau đó B giao nộp tài sản này cho Cơ quan điều tra.

Ngày 9/7/2019, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nhà ở, đồ vật của B nhưng không thu giữ được tài sản có liên quan đến vụ án.

Ngày 10/6/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phúc Thọ kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, 01 chiếc máy khoan đục bê tông cầm tay màu đỏ xám nhãn hiệu Panda–PD0810 trị giá 1.600.000đ; 02 cuộn dây điện chưa sử dụng (mỗi cuộn 100m) màu vàng, loại dây (2x4)mm nhãn hiệu VINAKIP trị giá là 3.200.000đ.

Ngày 10/6/2019, Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh L 01 chiếc máy khoan đục bê tông cầm tay màu đỏ xám nhãn hiệu Panda–PD0810. Anh L còn yêu cầu bồi thường 3.200.000đ (giá trị 02 cuộn dây điện).

Vụ thứ hai:

Khoảng 2 giờ ngày 6/5/2019, Tạ Văn D ngủ dậy sau đó đi bộ lang thang quanh khu vực xã V tìm tài sản để trộm cắp. Khi D đi đến trước cổng xưởng mộc của ông Lê Việt C–SN 1947, trú ở Cụm 11, xã V, huyện P, Hà Nội, quan sát thấy không có người trông coi, trông giữ tài sản. D trèo qua cửa cổng xưởng mộc vào bên trong trộm cắp 02 máy soi gỗ màu xanh (loại 1 tay cầm); 01 máy soi gỗ màu đỏ (loại 2 tay cầm); 01 máy soi gỗ màu xanh (loại 2 tay cầm); 01 máy chà gỗ màu xanh hiệu BOSS; 01 máy chà gỗ màu đỏ hiệu BOSS; 01 máy khoan gỗ cầm tay màu xanh rồi cho vào bao tải dứa rồi mang đến nghĩa trang nhân dân Cụm 11, xã V cất giấu. Đến 6 giờ sáng cùng ngày, D lấy xe đạp ở nhà đi ra khu nghĩa trang chở số tài sản trộm cắp được đến bán cho Nguyễn Ngọc H được 900.000đ. D đã sử dụng ăn tiêu hết số tiền này.

Cơ quan điều tra triệu tập Nguyễn Ngọc H lên làm việc thì H đã khai nhận mua tài sản của D nhưng H đã bán 05 chiếc máy gồm: 01 máy soi gỗ màu đỏ (loại 2 tay cầm); 01 máy soi gỗ màu xanh (loại 2 tay cầm); 01 máy chà gỗ màu xanh hiệu BOSS; 01 máy chà gỗ màu đỏ hiệu BOSS; 01 máy khoan gỗ cầm tay màu xanh cho một người đàn ông không quen biết được 500.000đ. Còn 02 chiếc máy soi gỗ màu xanh (loại 1 tay cầm) H giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 10/6/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phúc Thọ kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, 02 máy soi gỗ màu xanh (loại 1 tay cầm), trị giá 800.000đ; 01 máy soi gỗ màu đỏ (loại 2 tay cầm) trị giá 400.000đ; 01 máy soi gỗ màu xanh (loại 2 tay cầm), trị giá 400.000đ; 01 máy chà gỗ màu xanh hiệu BOSS, trị giá 400.000đ; 01 máy chà gỗ màu đỏ hiệu BOSS, trị giá 400.000đ; 01 máy khoan gỗ cầm tay màu xanh, trị giá 250.000đ.

Ngày 10/6/2019, Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông C 02 máy soi gỗ màu xanh (loại 1 tay cầm). Ông C còn yêu cầu bồi thường 1.850.000đ (giá trị 05 chiếc máy không thu hồi được).

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 07/8/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ đã truy tố Tạ Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Tạ Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tạ Văn D từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian đã tạm giữ.

Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không đề cập áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại anh Lê Minh T số tiền 2.000.000đ

Buộc Tạ Văn D phải bồi thường cho anh Hà Thế L số tiền 3.200.000đ giá trị 02 cuộn dây điện, bồi thường cho ông Lê Việt C số tiền 1.850.000đ giá trị 05 chiếc máy không thu hồi được.

Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền D thu lợi bất chính khi bán tài sản trộm cắp trong vụ bán 02 máy hàn, 01 máy khoan cho H là 1.800.000đ, thu lợi bất chính khi bán máy khoan đục bê tông của anh L cho B là 300.000đ, thu lợi bất chính khi bán 02 máy soi gỗ của ông C cho H là 300.000đ. Tổng cộng là 2.400.000đ

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định

của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

[1] Khoảng 02 giờ các ngày 29/4/2019, 4/5/2019 và 6/5/2019, Tạ Văn D đi bộ lang thang quanh khu vực xã V tìm tài sản để trộm cắp. Sau khi quan sát thấy không có người trông coi, quản lý tài sản, D đã trộm cắp của 02 chiếc máy hàn điện tử của anh Lê Minh T, 01 chiếc máy khoan bê tông của anh anh Đoàn Văn N tại công trình xây dựng bể bơi Cụm 11, xã V, huyện P; Trộm cắp 01 chiếc máy khoan đục bê tông cầm tay, 02 cuộn dây điện chưa sử dụng (mỗi cuộn 100m) màu vàng của anh Hà Thế L tại công trình xây dựng Bệnh viện tâm thần Mai Hương (Cụm 11, xã V, huyện P, Hà Nội); Trộm cắp 04 máy soi gỗ 02 máy chà gỗ và 01 máy khoan gỗ của ông Lê Việt C tại xưởng mộc của ông C ở Cụm 11, xã V, huyện P. Tổng trị giá thiệt hại 11.650.000đ.

Hành vi nêu trên của Tạ Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị kết án và chấp hành án nhưng vẫn coi thường pháp luật nên cần có biện pháp xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Ngọc H là người 2 lần mua tài sản của Tạ Văn D do trộm cắp của anh Lê Minh T, Đoàn Văn N và ông Lê Việt C mà có. D khai là khoảng 6-7 tháng trước khi bán tài sản cho H thì D có đến nhà H sửa máy bơm, sau đó có đến làm xây dựng cho nhà H nên quen biết H. Cả 2 lần bán tài sản cho H thì D nói: Có mấy cái máy muốn bán. H có hỏi D là lấy ở xa hay gần. D trả lời là lấy ở xa, thì H đồng ý mua.

Tuy nhiên, H khai là H làm nghề sửa chữa điện dân dụng nên thường mua tài sản cũ hỏng để sửa lại rồi bán. H quen biết D như D khai. Lần thứ nhất D mang đến bán máy soi thì D nói là: “Tôi đi làm xa, tôi có mấy chiếc máy soi, khoan, ông có mua không tôi bán cho”. H đồng ý mua. Lần 2 khoảng 2-3 ngày sau, D mang 2 chiếc máy hàn và 01 chiếc máy khoan bê tông đến và D nói là: “Tôi chuẩn bị đi Trung quốc làm ăn xa, có 2 chiếc máy hàn ông có mua không tôi bán cho”, H đồng ý mua. Cả hai lần thời gian mua khoảng 6 giờ sáng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng D và H vẫn khẳng định như trên. Ngoài ra không có nhân chứng, tài liệu nào khác nên không đủ căn cứ vững chắc để xử lý hình sự đối với Nguyễn Ngọc H. Cơ quan điều tra nhắc nhở H để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Đối với Nguyễn Văn B là người mua tài sản của D trộm cắp của anh Hà Thế L. Quá trình điều tra xác định khi mua tài sản của D thì B không biết là tài sản do D trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự. Cơ quan điều tra nhắc nhở anh B để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Anh Hà Thế L còn trình báo trưa ngày 4/5/2019 bị mất một số tài sản gồm: 10 cây sắt phi 14 nhãn hiệu Hòa Phát, 01 cuộn dây điện màu vàng loại dây 2x4mm nhãn hiệu VINAKIP, 01 máy cắt cầm tay loại nhỏ màu đỏ đen nhãn hiệu BOSS, 01 máy khoan cầm tay loại nhỏ màu xanh nhãn hiệu BOSS, do 01 đối tượng nam giới khoảng 40 tuổi trộm cắp, anh L phát hiện đuổi theo nhưng không kịp, anh L khẳng định không phải là Tạ Văn D. Nên Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra xác minh là đúng pháp luật.

Đối với 02 đoạn dây mà Nguyễn Văn B giao nộp, xác định không liên quan đến vụ án, Nguyễn Văn B khai nhận là mua của Tạ Văn D, nên cơ quan điều tra tách ra xem xét xử lý sau là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 2.000.000đ do H giao nộp là tiền anh Lê Minh T chuộc tài sản nên cần trả lại cho anh T.

Đối với 02 cuộn dây điện trị giá 3.200.000đ D trộm cắp của anh Hà Thế L mà không thu hồi được, cần buộc Tạ Văn D phải bồi thường cho anh Hà Thế L số tiền 3.200.000đ,

Đối với số máy không thu hồi được gồm: 01 máy soi gỗ màu đỏ (loại 2 tay cầm); 01 máy soi gỗ màu xanh (loại 2 tay cầm); 01 máy chà gỗ màu xanh hiệu BOSS, 01 máy chà gỗ màu đỏ hiệu BOSS; 01 máy khoan gỗ cầm tay màu xanh có tổng trị giá 1.850.000đ do D trộm cắp của ông Lê Việt C không thu hồi được nên cần buộc D phải bồi thường cho ông Lê Việt C số tiền 1.850.000đ.

Đối với số tiền D thu lợi bất chính khi bán tài sản trộm cắp trong vụ bán 02 máy hàn, 01 máy khoan cho H là 1.800.000đ, thu lợi bất chính khi bán máy khoan đục bê tông của anh L cho B là 300.000đ, thu lợi bất chính khi bán 02 máy soi gỗ của ông C cho H là 300.000đ. Tổng cộng là 2.400.000đ cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều đảm bảo đúng pháp luật.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tạ Văn D 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 12/5/2019 đến ngày 21/5/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại anh Lê Minh T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Số tiền này đang được lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Phúc Thọ theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/8/2019

Buộc Tạ Văn D phải bồi thường cho anh Hà Thế L số tiền 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*) và bồi thường cho ông Lê Việt C số tiền 1.850.000đ (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Tạ Văn D không thi hành về phần tiền bồi thường thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả áp dụng là 20%/năm.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc Tạ Văn D phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều

23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự.

Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- CQĐT CA huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Loan